



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
TẠI TỈNH THANH HOÁ**



LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Thông tin cá nhân | |
|-----------------------------|--|
| Họ và tên | Nguyễn Thị Duyên |
| Ngày, tháng, năm sinh | 12/02/1982 |
| Giới tính | Nữ |
| Nơi sinh | Xã Hoằng Quý, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa |
| Địa chỉ liên lạc | Xã Hoằng Quý, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa |
| Điện thoại cơ quan | |
| Điện thoại di động | 0362.512.503 |
| Email | ntduyen.ph@hunre.edu.vn |
| Học vị | Thạc sỹ |
| Năm, nơi công nhận học vị | 2010, Trường Đại học Mỏ - Địa chất |
| Học hàm | |
| Năm phong hàm | |
| Chức danh nghề nghiệp | Giảng viên chính |
| Chức vụ và đơn vị công tác | Giảng viên khoa Trắc địa Bản đồ & Thông tin địa lý - Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá |

| 2. Trình độ học vấn | | | |
|-------------------------------|-------------|------------------------------|---|
| 2.1. Quá trình đào tạo | | | |
| Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Ngành (chuyên ngành) đào tạo | Cơ sở đào tạo (ghi rõ tên và quốc gia) |
| 2005 | Đại học | Kỹ thuật Trắc địa | Trường ĐH Mỏ Địa chất |
| 2010 | Cao học | Kỹ thuật Trắc địa | Trường ĐH Mỏ Địa chất |
| | | | |

| | | |
|--|--|---|
| 2.2. Tên luận án tiến sĩ (nếu đã bảo vệ) | | |
| 2.3. Các khóa đào tạo ngắn hạn (nếu có) | | |
| Thời gian | Nội dung đào tạo | Đơn vị đào tạo |
| Từ 10/2005-04/2006 | QLNN ngạch Chuyên viên | Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình |
| 3/2010 | Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng. | Trường ĐHSP I Hà Nội |
| 3/2010 | Bồi dưỡng nâng cao môn triết học | Trường ĐHSP I Hà Nội |
| Tháng 12/ 2015 | Tiếng Anh trình độ B1 châu Âu | Trường Đại học Thái Nguyên |
| Từ 10-25/10/2017 | Bồi dưỡng kiến thức QP-AN đối tượng A3 | Trường Quân sự tỉnh Thanh Hóa |
| 9/6/2018 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Trường ĐH TN&MT Hà Nội |
| Từ 08/12/2018-15/5/2019 | QLNN ngạch Chuyên viên chính | Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa |
| Khóa học ngày 6-12/7/2019 | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghệ nghiệp Giảng viên chính Hạng II | Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội |
| Khóa học 2018-2019 | Trung cấp Lí luận chính trị - Hành chính | Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa |
| 2.4. Trình độ ngoại ngữ | | |
| Ngoại ngữ | Trình độ, mức độ sử dụng | |
| Tiếng Anh | B1, sử dụng không thường xuyên | |

| | | |
|------------------------------|--|------------------------|
| 3. Quá trình công tác | | |
| Từ năm..đến năm | Nơi công tác | Vị trí công tác |
| Từ 04/2008 đến 7/2008 | Khoa Trắc địa Bản đồ, Trường Trung học TN và MT TW; | Giáo viên |
| Từ 8/2008 đến 3/2018 | Khoa Trắc địa Bản đồ, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung; | Giảng viên |
| Từ 3/2018 đến nay | Khoa Trắc địa Bản đồ, Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa. | Giảng viên |

| 4. Nghiên cứu khoa học | | | | |
|---|--|--|--|---|
| 4.1. Lĩnh vực nghiên cứu | | | | |
| Hướng nghiên cứu chính | | 1) Trắc địa ảnh viễn thám: nghiên cứu ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề. 2) Trắc địa công trình: nghiên cứu việc xây dựng lưới trắc địa cơ sở để phục vụ thiết kế và thi công công trình, quan trắc sự biến dạng của công trình... | | |
| Chuyên ngành nghiên cứu | | Kỹ thuật Trắc địa, Bản đồ | | |
| 4.2. Các công trình khoa học đã công bố | | | | |
| 4.2.1. Sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, sách hướng dẫn... | | | | |
| TT | Tên sách | Mức độ tham gia (là chủ biên, là đồng tác giả, tham gia viết một phần) | Năm xuất bản | Nơi xuất bản |
| 1 | Giáo trình Trắc địa phổ thông (Phần 2) | Chủ biên | 2013 | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung |
| 2 | Tăng dày không chế ảnh | Chủ biên | 2016 | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung |
| 3 | Thực tập đo đạc địa chính | Chủ biên | 2017 | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung |
| 4.2.2. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước | | | | |
| TT | Tên bài báo | Năm công bố | Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) |
| 1 | Ứng dụng Arcgis Online xây dựng trang web chia sẻ thông tin hệ sinh thái rừng ngập mặn huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa | 2019 | Tạp chí Tài nguyên & Môi trường | Tác giả |
| 2 | Một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hợp chất nitơ trong nước thải bởi thiết bị đĩa quay sinh học | 2019 | Tạp chí Tài nguyên & Môi trường | Đồng tác giả |
| 3 | Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học. | 2019 | Tạp chí Tài nguyên & Môi trường | Đồng tác giả |
| 4 | Đo vẽ thành lập bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:500 phục vụ lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm | 2019 | Tạp chí khoa học công nghệ lâm nghiệp | Đồng tác giả |

| | | | | |
|---|---|------|--|---------|
| | xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội | | | |
| 5 | Ứng dụng phương pháp định vị GNSS/CORS/RTK thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn mở lộ thiên | 2020 | Bản tin khoa học Cơ khí Năng lượng - Mỏ | Tác giả |
| 6 | Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ phục vụ đặc lực cho công tác quản lý nhà nước | 2022 | Tạp chí Tài nguyên & Môi trường | Tác giả |
| 7 | Thiết lập modules nhập dữ liệu thuộc tính thửa đất vào file excel được xuất ra từ gCadas phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính | 2023 | Tạp chí Khoa học Tài nguyên & Môi trường | Tác giả |
| 8 | | | | |

4.2.3. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài

| TT | Tên bài báo | Năm công bố | Tên và số tạp chí quốc tế đã công bố | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) |
|----|-------------|-------------|--------------------------------------|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |

4.2.4. Các báo cáo hội nghị, hội thảo trong nước

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học | Tên hội thảo | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức |
|--------------------|---|---|---|----------------------------|
| 2015 | Tích hợp công nghệ 3S trong việc thu thập dữ liệu phục vụ đánh giá tác động môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu | Tác động của Biến đổi khí hậu đến lĩnh vực Quản lý đất đai - Môi trường và định hướng chương trình đào tạo tại trường CĐ TN&MT miền Trung | Tác giả chính | Trường CĐ TN&MT miền Trung |
| 2018 | Ứng dụng quy trình GIS để quản lý nguồn chất thải rắn tại thị xã Bim Sơn - tỉnh Thanh Hóa | | Tác giả chính | Trường CĐ TN&MT miền Trung |
| 2019 | Vai trò của rừng ngập mặn đối với tự nhiên - | Xây dựng một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò | Tác giả chính | Trường CĐ TN&MT miền Trung |

| | | | | |
|------|--|--|---------------|--------------------|
| | kinh tế - xã hội huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa | của ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn | | |
| 2023 | ứng dụng công nghệ webgis trong quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa | Hội thảo Khoa học Quốc gia năm 2023 “Phát triển và quản lý bền vững TN&MT từ miền núi tới ven biển” | Tác giả chính | Trường ĐH TN&MT HN |

4.2.5. Các báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học | Tên hội thảo | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức |
|--------------------|----------------------|--------------|---|------------------|
| | | | | |
| | | | | |

4.3. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp

| Thời gian thực hiện | Tên chương trình, đề tài | Cấp quản lý đề tài | Trách nhiệm tham gia trong đề tài | Tình trạng đề tài (đã hoặc chưa nghiệm thu) |
|---------------------|---|---|-----------------------------------|---|
| 2015 | Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Netop School phục vụ công tác giảng dạy tại phòng máy tính khoa TĐBĐ & ĐCKS trong trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |
| 2016 | Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng quy trình nắn chỉnh hình học ảnh viễn thám bằng phần mềm ERDAS trên trạm ảnh số để thành lập bình đồ ảnh tỷ lệ 1:50000 phục vụ công tác thực hành thực tập cho HSSV trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | Chủ nhiệm đề tài | Đã nghiệm thu |
| 2017 - | Đề tài: Xây dựng hệ thống mốc quan trắc lún công | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |

| | | | | |
|-------------|---|---|------------------|---------------|
| 2018 | trình phục vụ công tác giảng dạy, thực tập của giảng viên và học sinh sinh viên trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | trường miền Trung | | |
| 2018 | Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm nâng cao giải đoán ảnh viễn thám bằng mắt phục vụ cho môn học thực tập Trắc địa ảnh tại trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |
| 2018 - 2019 | Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn, thực nghiệm tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Mã số: 13.01.19.O.02 | Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá | Chủ nhiệm đề tài | Đã nghiệm thu |
| 2020 - 2021 | Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An | Cấp tỉnh | Thành viên | Đã nghiệm thu |
| 2021 | Đề tài: Nghiên cứu thiết lập Module nhập dữ liệu thuộc tính thửa đất vào file Excel được xuất ra từ Gcadas trong quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính | Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá | Chủ nhiệm đề tài | Đã nghiệm thu |
| 2022 | Nghiên cứu xây dựng bộ mẫu giải đoán ảnh thành lập bản đồ lớp phủ thực vật phục vụ đánh giá thiệt hại do lũ lụt từ tư liệu ảnh viễn thám ALOS và LANDSAT áp dụng tại tỉnh Nghệ An | Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hoá | Thành viên chính | Đã nghiệm thu |

4.4. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước

| Năm | Hình thức và nội dung giải thưởng | Tổ chức trao tặng |
|-----|-----------------------------------|-------------------|
| | | |
| | | |

4.5. Kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học (HVCH)

| Họ tên NCS/HVCH | Đề tài luận án/ luận văn | Cơ sở đào tạo | Thời gian đào | Vai trò hướng dẫn |
|-----------------|--------------------------|---------------|---------------|-------------------|
| | | | | |

| | | | | |
|--|--|--|-----|--|
| | | | tạo | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

4.6. Những thông tin khác về nghiên cứu khoa học

Tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề; thành viên ban biên tập các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; thành viên các hội đồng quốc gia, quốc tế...

| Tên tổ chức | Vai trò tham gia |
|-------------|------------------|
| | |

5. Giảng dạy

| | |
|--|--|
| 5.1. Chuyên ngành giảng dạy chính | Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ |
| 5.2. Học phần có thể đảm nhiệm | Lý thuyết sai số, Trắc địa cơ sở, Đo đạc địa chính, Trắc địa lý thuyết, Trắc địa cao cấp, Xử lý số liệu trắc địa, Cơ sở viễn thám... |

Tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung bản lý lịch khoa học, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 9 năm 2023

GIÁM ĐỐC

NGƯỜI KHAI

Trần Xuân Biên

Nguyễn Thị Duyên